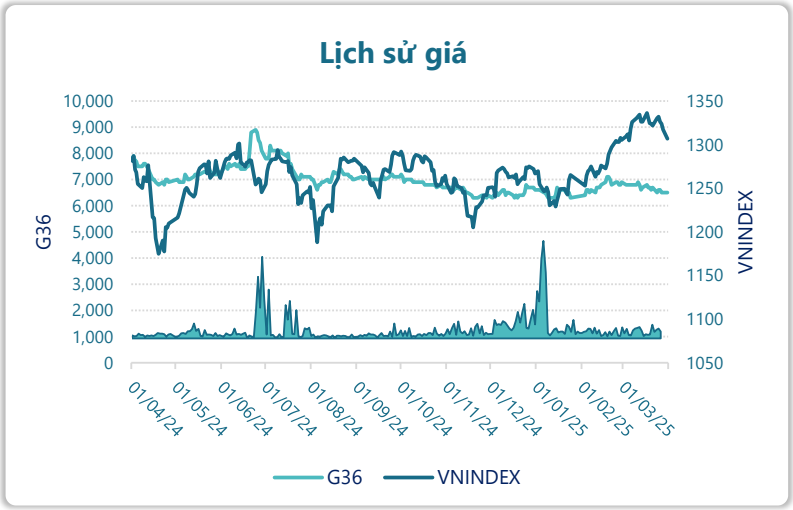
FireAnt

Tổng Công ty 36 - CTCP (UPCOM: G36)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,300
SL cổ phiếu LH	103,745,067
KLGD BQ 20 phiên (CP)	112,000
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	674
P/E	21.8
EPS	298

DT thuần

Q1/25

189

tỷ VNĐ

QoQ: ▼371| -66.2%

YoY: ▲ 14.0| 8.2%

LN sau thuế

Q1/25

18.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 27.0| 303%

YoY: ▲ 4.00| 28.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

6.5%

+/- YoY: ▼ 1.3%

DT thuần

2024

1,457

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 58.0| 4.1%

LN sau thuế

2024

26.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.40| 53.8%

ROE

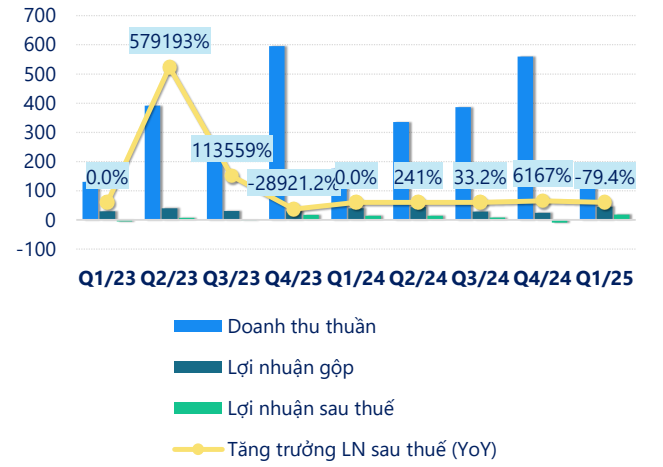
2024

2.4%

+/- YoY: ▲ 0.8%

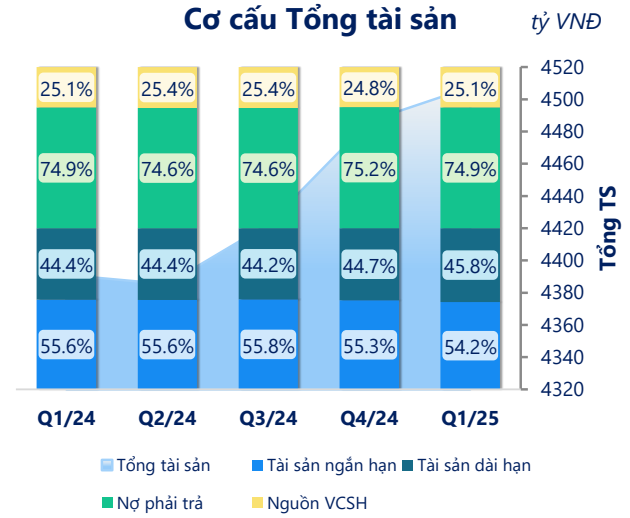
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



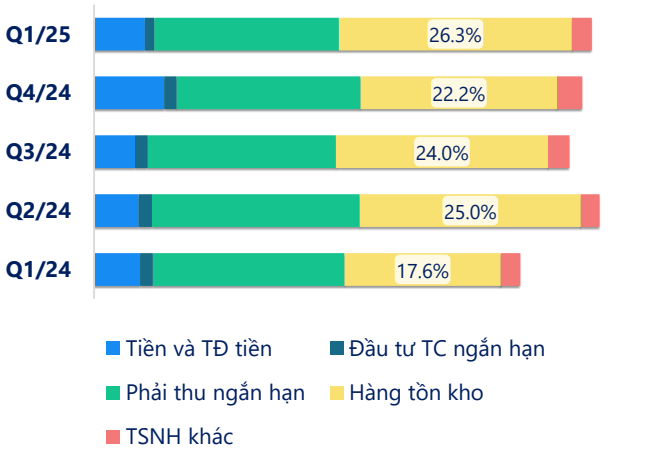
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



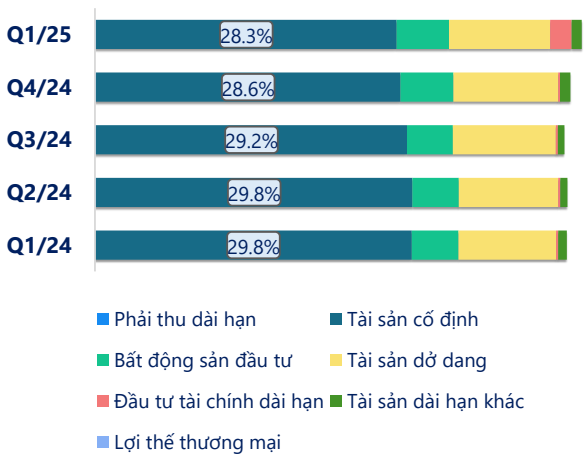
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



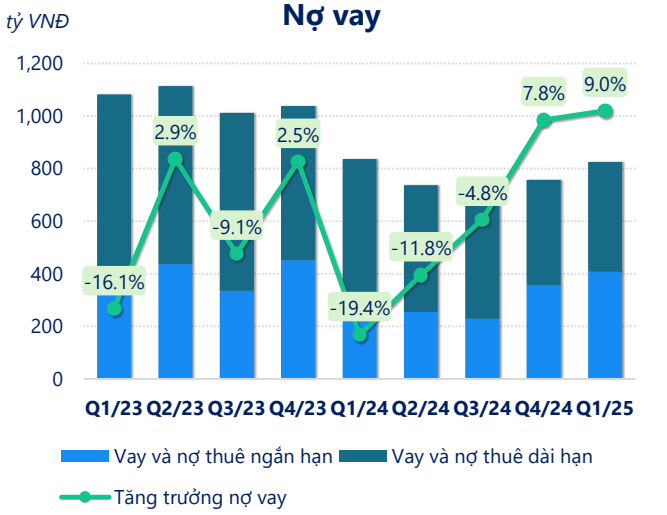
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



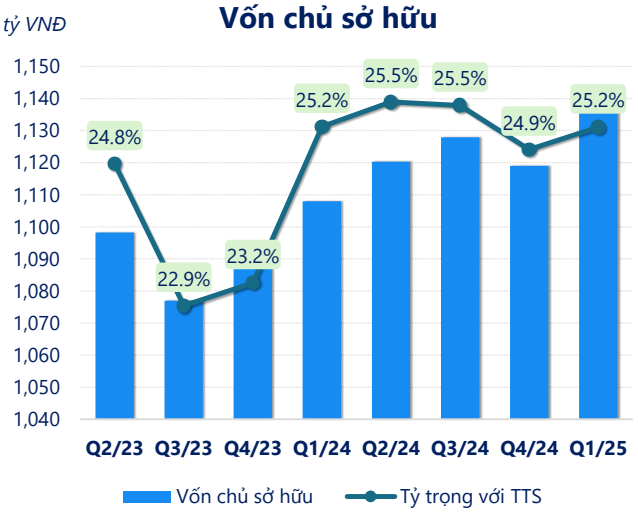
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



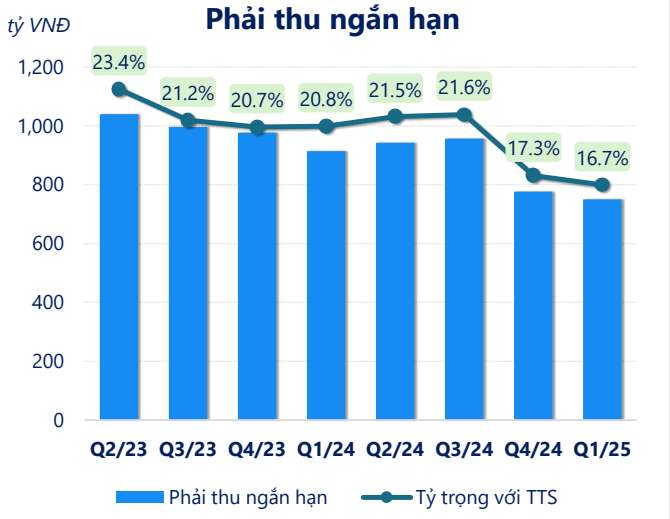
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



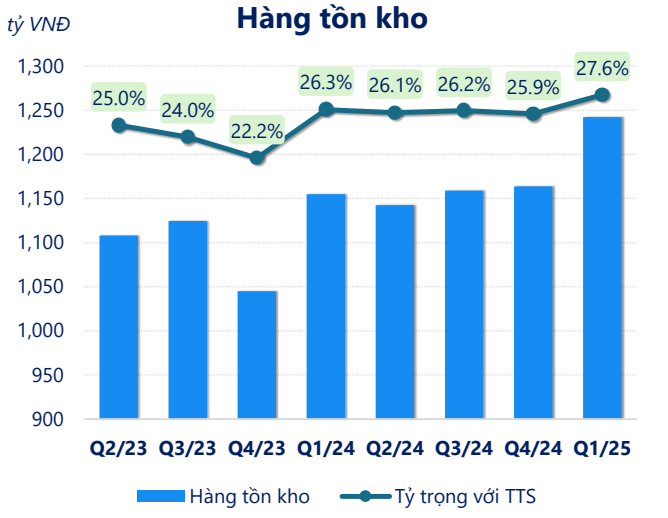
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



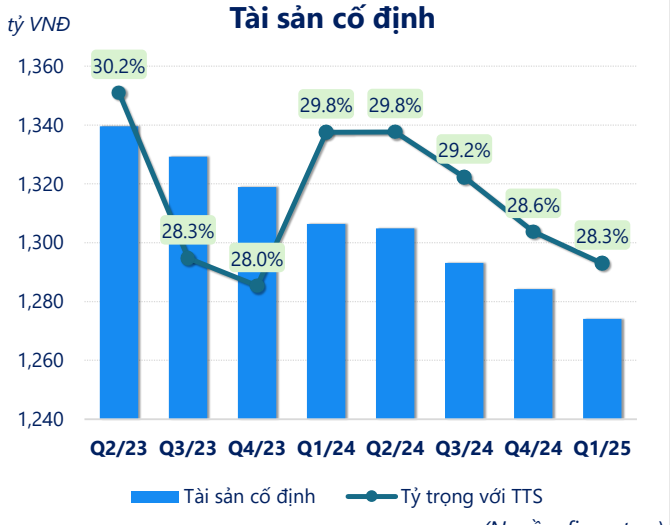
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



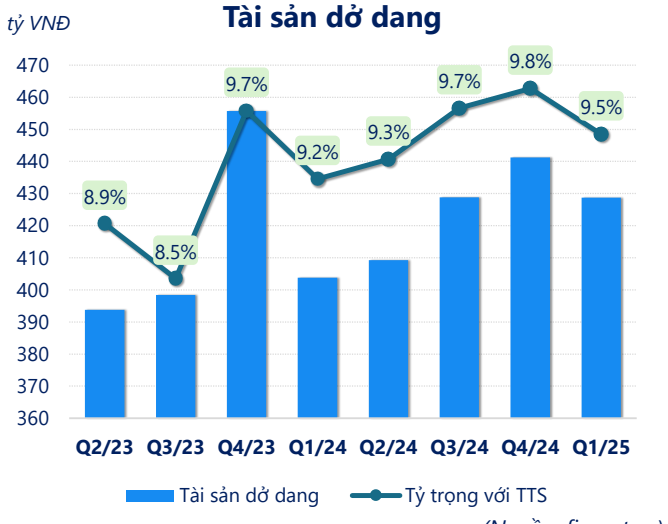
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



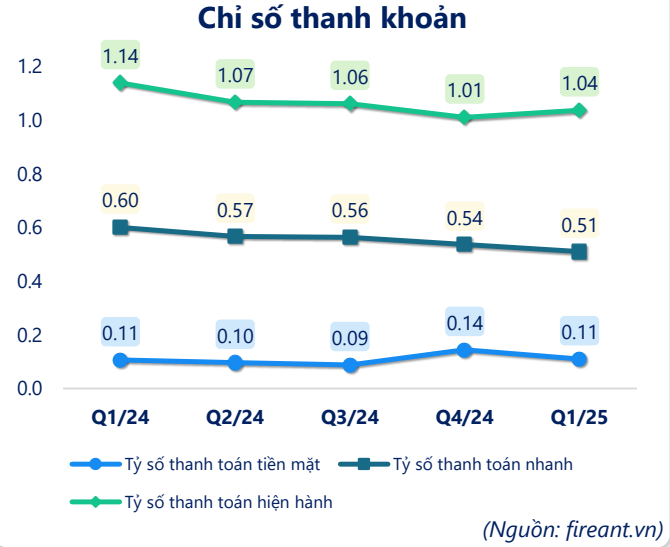
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



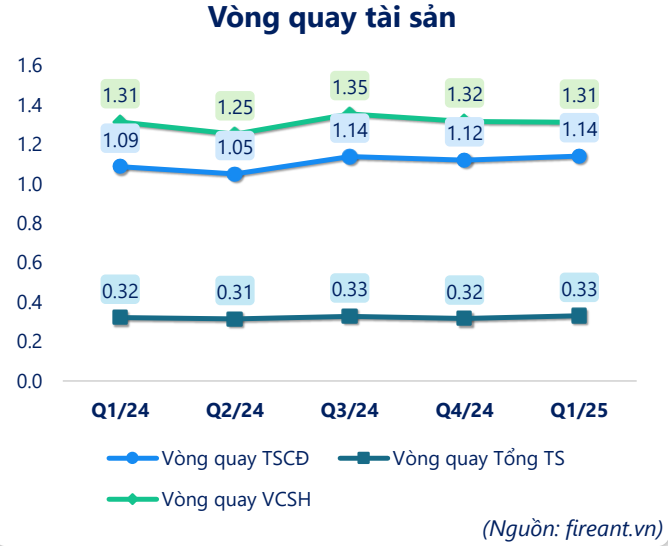
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**4,391**	**4,385**	**4,423**	**4,486**	**4,507**
Tài sản ngắn hạn	**2,443**	**2,437**	**2,470**	**2,481**	**2,445**
Tiền và tương đương tiền	227	220	204	354	258
Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.2	47.2	47.2	47.2	97.2
Phải thu ngắn hạn	914	942	957	777	751
Hàng tồn kho	1,155	1,142	1,159	1,163	1,242
Tài sản ngắn hạn khác	99.1	84.6	102	139	96.3
Tài sản dài hạn	**1,948**	**1,949**	**1,953**	**2,006**	**2,063**
Phải thu dài hạn	1.33	4.39	4.39	4.39	4.49
Tài sản cố định	1,306	1,305	1,293	1,284	1,274
Bất động sản đầu tư	193	192	190	224	222
Tài sản dở dang	404	409	429	441	429
Đầu tư tài chính dài hạn	8.57	8.35	8.35	8.15	91.0
Tài sản dài hạn khác	35.1	30.2	27.6	43.8	42.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,288**	**3,270**	**3,299**	**3,373**	**3,375**
Nợ ngắn hạn	**2,146**	**2,285**	**2,327**	**2,455**	**2,357**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	273	254	229	356	407
Phải trả người bán ngắn hạn	624	608	580	600	459
Nợ dài hạn	1,142	985	972	918	1,018
Vay và nợ thuê dài hạn	563	483	473	401	418
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,103**	**1,115**	**1,123**	**1,113**	**1,133**
Vốn chủ sở hữu	**1,108**	**1,120**	**1,128**	**1,119**	**1,137**
Vốn điều lệ	1,037	1,037	1,037	1,037	1,037
Kinh phí và quỹ khác	-5.11	-5.20	-4.49	-5.67	-4.31

(Nguồn: fireant.vn)